

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3720**/STC-QLNS

Quảng Trị, ngày **12** tháng **10** năm 2021

V/v báo cáo công khai tình hình  
thực hiện dự toán thu, chi  
NSDP 09 tháng năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 404/UBND-TM ngày 31/01/2018 về việc công khai ngân sách theo Luật NSNN 2015.

Sở Tài chính báo cáo công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 09 tháng năm 2021.

*(Báo cáo công khai và thuyết minh kèm theo).* *pl*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tin học tỉnh (để đăng trang web);
- Giám đốc, các PGD;
- Văn phòng (để đăng trang web);
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Thị Thanh**



UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
**SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSĐP 09 THÁNG NĂM 2021**

*(Kèm theo Công văn số: **3720**/STC-QLNS ngày **12/10**/2021 của Sở Tài chính)*

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Nghị Quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021. Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; 3629/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 09 tháng đầu năm 2021, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình dự toán thu, chi ngân sách địa phương 09 tháng năm 2021 như sau:

**1. Về thu ngân sách:**

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 30/9/2021: 4.134,495 tỷ đồng/DT 3.450 tỷ đồng, đạt 119,8% dự toán địa phương và 144,5% dự toán Trung ương, bằng 175,9 cùng kỳ năm 2020; Trong đó:

- Thu nội địa: 2.839,917 tỷ đồng/DT 2.970 tỷ đồng, đạt 95,6% dự toán địa phương và đạt 119,3% dự toán Trung ương, bằng 138,2% cùng kỳ năm 2020;

Trong đó:

+ Ngân sách địa phương hưởng: 2.549,854 tỷ đồng, đạt 99,6% dự toán địa phương và đạt 126,1% dự toán Trung ương, bằng 141,2% cùng kỳ năm 2020. Loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì thu ngân sách địa phương đưa vào cân đối là 1.550,314 tỷ đồng/DT 1.600,7 tỷ đồng, đạt 96,9% dự toán địa phương, đạt 104,6% dự toán Trung ương, bằng 144,3% cùng kỳ năm 2020.

+ Ngân sách cấp tỉnh hưởng: 1.255,296 tỷ đồng/DT 1.605,09 tỷ đồng, đạt 78,2% dự toán địa phương. Loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các khoản cấp lại thu nội địa ngân sách cấp tỉnh hưởng: 867,891 tỷ đồng/DT 1.041,09 tỷ đồng, đạt 83,36% dự toán địa phương, bằng 133,2% cùng kỳ năm 2020.

- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 1.286,93 tỷ đồng/DT 480 tỷ đồng; đạt 268,1% dự toán địa phương, đạt 268,1% dự toán Trung ương và bằng 502,5% so với cùng kỳ 2020.

## 2. Về chi ngân sách:

Dự toán ngân sách năm 2021, cơ bản đáp ứng được những nhu cầu chi thiết yếu của các sở, ngành, các huyện, thành phố, thị xã và dành nguồn tài chính hợp lý để đảm bảo nguồn lực tài chính đáp ứng được nhiệm vụ quan trọng của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh lâu dài và thực hiện các chính sách về an sinh xã hội.

Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 30/9/2021: 6.244,311 tỷ đồng/DT 9.161,970 tỷ đồng, đạt 68% dự toán địa phương và 73% dự toán Trung ương, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

\* Chi cân đối ngân sách: 4.242,990 tỷ đồng đạt 65% dự toán địa phương và 70% dự toán Trung ương, bằng 97% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đầu tư phát triển: 650,065 tỷ đồng/DT 1.400,71 tỷ đồng, đạt 46% dự toán địa phương và 62% dự toán Trung ương và bằng 91% cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 3.592,289 tỷ đồng / DT 4.874,521 tỷ đồng, đạt 74% so với dự toán địa phương và 73% dự toán Trung ương, bằng 99% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt 67% dự toán; sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 66% dự toán; sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 70% dự toán địa phương, cơ bản thực hiện sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị đã tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm được giao để đảm bảo hoàn thành kế hoạch chi tiêu năm 2021.

Chi thường xuyên ngân sách điều hành trong phạm vi dự toán được giao, trên cơ sở tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định. Song song với quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả thì ngân sách địa phương đáp ứng được các khoản chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của bộ máy như chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo chi trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.


Việc quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách theo khả năng tiến độ thu ngân sách. Quản lý, sử dụng dự phòng NSĐP theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định.

\* Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ ngân sách Trung ương hỗ trợ cân đối có mục tiêu cho ngân sách địa phương: 876,987 tỷ đồng/ DT 2.488,766 tỷ đồng đạt 35% dự toán địa phương và 35% dự toán Trung ương, bằng 81% so với cùng kỳ năm trước. Đối với công tác giải ngân vốn đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 31/3/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công công năm 2021. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn được giao trong kế hoạch năm 2021 của tỉnh còn thấp, đặc biệt tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài nguyên nhân do vốn đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài chiếm 50% dự toán giao (1.113,852 tỷ đồng/ dự toán là 2.488,766 tỷ đồng), các dự án chưa thực hiện ghi

thu ghi chi, hoặc đã giải ngân nhưng chưa thực hiện ghi thu ghi chi vào ngân sách.

\* Chi trả nợ gốc trong năm: 864 triệu đồng/ DT 30.300 triệu đồng

*(Chi tiết các Biểu số 59,60,61 kèm theo)*

Trên đây là tổng hợp tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 09 tháng năm 2021, Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị trân trọng báo cáo./ 



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>3.450.000</b>	<b>6.423.495</b>	<b>186%</b>	<b>420%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>3.450.000</b>	<b>4.134.495</b>	<b>120%</b>	<b>270%</b>
1	Thu nội địa	2.970.000	2.839.917	96%	212%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	480.000	1.286.931	268%	845%
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>2.289.000</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSĐP</b>	<b>9.161.970</b>	<b>6.244.311</b>	<b>42%</b>	<b>95%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSĐP</b>	<b>6.552.416</b>	<b>4.242.990</b>	<b>40%</b>	<b>91%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	1.400.710	650.065	25%	82%
2	Chi thường xuyên	4.874.521	3.592.289	46%	109%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	636	13%	0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000			
5	Dự phòng ngân sách	190.964			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP</b>	<b>2.488.766</b>	<b>876.987</b>	<b>19%</b>	<b>98%</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP</b>	<b>107.600</b>			
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>30.300</b>	<b>864</b>		



## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>3.450.000</b>	<b>4.134.495</b>	<b>119,8%</b>	<b>175,9%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.970.000</b>	<b>2.839.917</b>	<b>95,6%</b>	<b>138,2%</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	275.000	168.958	61,4%	102,8%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	32.800	56.944	173,6%	215,1%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	742.000	668.112	90,0%	143,4%
4	Thuế thu nhập cá nhân	90.000	145.260	161,4%	164,4%
5	Thuế bảo vệ môi trường	500.000	355.060	71,0%	115,6%
6	Lệ phí trước bạ	150.000	170.028	113,4%	153,4%
7	Thu phí, lệ phí	72.600	58.979	81,2%	124,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	948.100	1.078.401	113,7%	149,2%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		11		9,1%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	5.101	102,0%	143,5%
-	Thu tiền sử dụng đất	920.000	972.234	105,7%	137,7%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	23.000	100.725	437,9%	766,4%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100	330	330,0%	354,8%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.000	13.260	88,4%	132,1%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lần các quỹ của	5.500	6.407	116,5%	83,4%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	40.000	27.306	68,3%	109,9%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	7.000	6.775	96,8%	111,6%
13	Thu khác ngân sách	92.000	84.427	91,8%	116,7%
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>480.000</b>	<b>1.286.931</b>	<b>268,1%</b>	<b>502,5%</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	360.000	1.201.384	333,7%	658,6%
2	Thuế xuất khẩu	100.000	40.322	40,3%	67,1%
3	Thuế nhập khẩu	20.000	29.264	146,3%	263,6%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		10.036		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		329		
6	Thu khác		5.596		223,6%
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.560.700</b>	<b>2.557.616</b>	<b>99,9%</b>	<b>139,0%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.263.440	1.114.242	88,2%	137,0%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.297.260	1.443.374	111,3%	140,6%



## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>9.161.970</b>	<b>6.244.311</b>	<b>68%</b>	<b>154%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>6.552.416</b>	<b>4.242.990</b>	<b>65%</b>	<b>147%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.400.710</b>	<b>650.065</b>	<b>46%</b>	<b>150%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.400.710	650.065	46%	150%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.874.521</b>	<b>3.592.289</b>	<b>74%</b>	<b>173%</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.222.479	1.497.305	67%	161%
2	Chi khoa học và công nghệ	21.839	14.329	66%	260%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	68.206	47.577	70%	
8	Chi sự nghiệp kinh tế				
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể				
10	Chi bảo đảm xã hội				
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>4.100</b>	<b>636</b>	<b>16%</b>	<b>0%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>190.964</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>2.488.766</b>	<b>876.987</b>	<b>35%</b>	<b>181%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.176.705	761.528	35%	258%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	312.061	115.459	37%	140%

**Ghi chú:** Trong tổng chi NS địa phương quản lý bao gồm chi chuyển nguồn XDCB ngân sách tỉnh, huyện